

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;  
một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình  
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  
giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX,  
KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của  
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương  
trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận  
nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và  
giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền  
vững giai đoạn 2021-2025.*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ  
nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm  
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.*

*Xét Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ  
cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang  
giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2023  
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) theo quy định tại khoản 1 Điều 19; khoản 3, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2022/TT-BTC).

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 01/2022/TT- BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC; các văn bản pháp luật và các hướng dẫn hiện hành.

3. Trường hợp văn bản quy định được viện dẫn làm căn cứ tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và thực hiện dự án giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thụ hưởng kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và thực hiện dự án giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình.

### **Điều 3. Chi hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo**

1. Nội dung: Chi hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Mức chi: Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, mức hỗ trợ của ngân sách địa phương như sau

a) Đối với xây mới nhà ở: 10.000.000 đồng/ hộ gia đình.

b) Đối với sửa chữa nhà ở: 5.000.000 đồng/ hộ gia đình.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương.

#### **Điều 4. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng**

1. Nội dung: Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân trên địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

2. Mức chi: 6.000.000 đồng/điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng/năm.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

#### **Điều 5. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh trên địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025**

##### **1. Nội dung**

a) Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh.

b) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền: Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

c) Danh mục thành phần cơ bản, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin của đài truyền thanh xã thiết lập mới và mở rộng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

##### **2. Mức chi**

a) Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh: Tối đa 150.000.000 đồng/đài truyền thanh xã.

b) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền:

Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã: Tối đa 50.000.000 đồng/đài truyền thanh xã.

Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: Tối đa 150.000.000 đồng/đài truyền thanh xã.

c) Mức hỗ trợ là mức tối đa đã bao gồm các bộ thiết bị thuộc danh mục thành phần cơ bản và yêu cầu kỹ thuật của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; các loại thuế phải nộp và chi phí có liên quan.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2023./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Minh Xuân**